



GS.TS. Đào Xuân Học
Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp
& PTNT

63 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY LỢI VIỆT NAM

I. CHẶNG ĐƯỜNG 63 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Lịch sử xây dựng và phát triển Thủy lợi Việt Nam gắn liền với lịch sử dựng nước và phát triển đi lên của dân tộc. Hàng nghìn năm trước đây, bằng những hình thức: đào kênh tiêu thoát nước, đắp bờ giữ nước, làm phai đập, guồng, cọn, cống để lấy nước, đắp đê phòng lụt... Tổ tiên ta đã đẩy lùi sinh lầy ngập lụt, úng, hạn, mở ra những vùng đất canh tác màu mỡ từ miền núi, trung du đến các vùng châu thổ rộng lớn của các dòng sông để trồng trọt, chăn nuôi, phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra nền văn minh lúa nước sớm ở Đông Nam Châu Á.

Kinh nghiệm phong phú về làm thủy lợi ở mọi miền đã ngày càng được bổ sung nâng cao qua các thời kỳ:

Sau Cách mạng Tháng 8 thành công, ngày 28/8/1945 theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban Dân tộc Giải phóng tự cải tổ thành Chính phủ Lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Bộ Giao thông Công chính có phần chức năng nhiệm vụ thủy lợi, do Cụ Đào Trọng Kim - Kỹ sư thủy lợi - giữ chức Bộ trưởng. Ngày 2/3/1946 Quốc hội đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, trong đó Bộ Giao thông Công chính do Cụ Trần Đăng Khoa – cũng là Kỹ sư thủy lợi – làm Bộ trưởng.

Ngay sau khi thành lập, trong muôn vàn khó khăn, thù trong giặc ngoài và thiếu thốn, Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đã tổ chức động viên toàn dân khắc phục hậu quả lũ lụt, đắp lại hơn 10 đoạn đê bị vỡ khiến 26 vạn ha đồng lúa bị ngập chìm trong nước, đồng thời khôi phục các công trình thủy lợi.

• Trong những năm kháng chiến chống Pháp 1946-1954:

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sỹ", phong trào nhân dân làm thủy lợi được tổ chức mạnh mẽ nhằm khai thác và mở rộng những công trình thủy lợi lớn trong vùng giải phóng có đủ đầu mối nhưng còn thiếu kênh mương như Bái Thượng, Đô Lương nhờ đó đã tưới thêm được 15.000ha. Ngoài ra, phong trào làm thủy lợi nhỏ được phát động khắp nơi từ miền núi, trung du đến miền biển đã góp phần tưới thêm được 50.000ha.

Công tác đắp đê chống lụt được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Ngày 22/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 70-SL thành lập tại Bắc bộ Ủy ban Trung ương hộ đê. Đến ngày 28/5/1948 Hồ Chí Minh lại ký Sắc lệnh 194-SL thành lập Ủy ban Bảo vệ đê điều từ cấp liên khu đến tỉnh, huyện, xã.

- **Thời kỳ 1955-1974:**



Cống Xuân Quan (Hưng Yên), công trình đầu mối nhận nước sông Hồng ở hệ thống thủy lợi Bắc-Hưng-Hải, được xây dựng trong những năm 1958-1960



Tuổi trẻ lao động trên công trường Dầu Tiếng (Tây Ninh) năm 1978 (trái). Phó Chủ tịch Quốc Hội Trần Đăng Khoa với các cán bộ thủy lợi tại Kè Gỗ (Hà Tĩnh) tháng 5/1973 (phải)

(1955-1974). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào thi đua trong ngành thủy lợi được phát triển nên đã khôi phục nhanh các hệ thống thủy lợi bị chiến tranh tàn phá và đẩy mạnh được việc xây dựng các công trình thủy lợi từ vừa, nhỏ đến lớn như các hồ Cẩm Sơn, Núi Cốc...; các hệ thống trạm bơm ở Bắc Nam Hà; Bắc, Nam Thái Bình... Thành quả thủy lợi trong những năm này đã tạo cơ sở cho ổn định sản xuất vụ mùa, mở ra vụ Chiêm – Xuân còn hạn hẹp, bắp bênh trở thành vụ sản xuất chính có năng suất

cao, nhờ có thủy lợi cùng các biện pháp nông nghiệp đã tạo ra những cánh đồng 5 tấn trên diện rộng từ đồng bằng đến trung du, miền núi.

• **Thời kỳ 1976-1985:**

+ Ở miền Bắc: Trên cơ sở quy hoạch các lưu vực sông được lập, đã xây dựng thêm nhiều công trình thủy lợi mới và khai thác các công trình đã có. Củng cố và nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển, công trình phân lũ sông Đáy và các công trình phân chậm lũ khác.

+ Ở miền Nam: Đã tập trung lập quy hoạch thủy lợi Đồng bằng Sông Cửu Long, hệ thống sông Đồng Nai và phụ cận, các sông ở miền Trung, Tây Nguyên để lựa chọn và thực hiện xây dựng những công trình đọt đầu theo các bước đi thích hợp.

Thành công lớn nhất đối với Đồng bằng sông Cửu Long là đã có chủ trương kỹ thuật và bước đi đúng để cải tạo môi trường nước từ ngập lũ, chua phèn, mặn xâm nhập bằng các hệ thống kênh trục, kênh ngang, cống, bờ bao nên đã chuyển được vụ lúa mùa nổi năng suất thấp sang 2 vụ lúa Đông – Xuân, Hè – Thu có năng suất cao trên các vùng rộng lớn Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Tây Sông Hậu (riêng ở vùng Đồng bằng Tháp Mười sản lượng lúa đã tăng 4 lần so với năm 1976), nhiều dự án ở vùng mặn đã đạt được những thành công to lớn như các dự án Gò Công, Ba Tri, Mỏ Cày... đã góp phần tăng năng suất, tăng diện tích canh tác. Nhiều hệ thống tưới mới như Dầu Tiếng, Sông Quao, Iazunhạ, Phú Ninh, Kê Gổ, Thạch Nham... đã được xây dựng. Công tác tiêu úng ở miền Bắc được tập trung giải quyết, nâng cao. Nhiều hệ thống đê điều được mở mới, củng cố. Nước sinh hoạt cho vùng cao từng bước được lo giải quyết nguồn...

• **Thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay:**

+ Tiếp tục củng cố và phát triển các hệ thống thủy lợi ở các vùng để nâng cao mức đảm bảo tưới, tiêu và mở rộng thêm diện tích tưới cho những vùng còn có nhiều tiềm năng đất đai như Tây Nguyên, Nam Trung Bộ.

+ Ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh thêm nhiều công trình có quy mô lớn hơn để ngăn mặn, dẫn ngọt, thau chua, ém phèn; Hoàn chỉnh dần các hệ thống kênh trục, kênh ngang, các hệ thống cống, bờ bao để tiêu thoát lũ, ngăn mặn, thau chua, bảo vệ sản xuất, dân sinh và chủ động kiểm soát lũ trong các vùng được quy hoạch.

+ Ở Đồng bằng sông Hồng đầu tư thêm để nâng cao năng lực tiêu úng và khai thác chiều sâu các công trình phục vụ cho thâm canh, mở rộng diện tích vụ đông và chuyển đổi sản xuất.

+ Trước sự phát triển nhanh chóng của đô thị và các khu công nghiệp cũng như nhu cầu tăng vụ, chuyển đổi sản xuất; nhu cầu cấp nước tăng, ô nhiễm mở rộng, đặc biệt nhu cầu tiêu tăng rất lớn, các trục tiêu nội đồng như sông Nhuệ, Bắc Hưng Hải không đáp ứng được yêu cầu tiêu... việc rà soát quy hoạch để nâng cao hệ số tưới, tiêu đã và đang được đặt ra để thực hiện; Nhiều công trình lớn phục vụ đa mục tiêu được thực hiện như Cửa Đạt, Định Bình...

+ Về đê điều: Đã nâng cao mức đảm bảo của các hệ thống đê sông, đê biển trước diễn biến của thiên tai và biến đổi khí hậu gần đây.

Nhìn lại chặng đường 63 năm qua, kể từ khi thành lập ngành thủy lợi trong Bộ Giao thông Công chính (1945-1955), qua các giai đoạn của Bộ Thủy lợi Điện lực, Bộ Thủy lợi - Kiến trúc đến Bộ Thủy lợi (1958-1995), rồi Bộ Nông nghiệp & PTNT mặc dù tổ chức có thay đổi, tên gọi có khác nhau nhưng bất kỳ ở đâu và trong thời gian nào, các nhiệm vụ thủy lợi vẫn luôn được toàn thể cán bộ công nhân viên trong ngành và nhân dân các địa phương thực hiện với quyết tâm cao, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Bác Hồ và toàn nhân dân.

Tấm Huân chương Sao Vàng, phần thưởng cao quý mà Đảng, Nhà nước trao tặng cho ngành Thủy lợi năm 1995 nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ngành đã thể hiện sự đánh giá và ghi nhận công lao to lớn của Ngành, của nhân dân và đội ngũ cán bộ công nhân viên các thế hệ trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Từ cuối năm 1995 đến nay, trong Bộ Nông nghiệp & PTNT hợp nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ NN&PTNT, đội ngũ cán bộ công nhân viên thủy lợi đương chức vẫn tiếp tục các thế hệ trước đây, tiếp tục đưa sự nghiệp thủy lợi có thêm những bước phát triển mới. Có thể nói đây là thời kỳ được quan tâm đặc biệt vì nguồn vốn đầu tư với mức bình quân 5.000 tỷ đồng trong một năm do vậy rất nhiều hệ thống thủy lợi đã và đang được xây dựng.



Đập đá nện phủ mặt bê tông cốt thép Cửa Đạt (Thanh Hóa) cao 128m trên sông Chu được xây dựng trong những năm 2004-2009

Dưới đây là tổng hợp những thành tựu cơ bản của ngành thủy lợi trong 63 năm qua.

1. Về tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp

Tính đến năm 2007 trên phạm vi cả nước, các hệ thống thủy lợi lớn, vừa và nhỏ đã đảm bảo:

- Tưới trực tiếp cho 3,45 triệu ha đất nông nghiệp;
- Tạo nguồn tưới cho 1,13 triệu ha;
- Tiêu cho 1,4 triệu ha;
- Ngăn mặn cho 0,87 triệu ha;
- Cải tạo chua phèn cho 1,6 triệu ha;

- Chống sa mạc hoá.

Trong điều kiện dân đông, đất canh tác ít, cần phải quay vòng 2,3 vụ nên các công trình đều được thiết kế tưới cho 2,3 vụ. Đến nay toàn bộ các công trình thuỷ lợi trên toàn quốc đã tưới cho 7,61 triệu ha lúa và 1 triệu ha rau màu cây công nghiệp. Trong 7,61 triệu ha lúa được tưới có: 2,89 Đông – Xuân; 2,25 triệu ha lúa Hè – Thu; 2,51 triệu ha lúa mùa.

Với tổng diện tích gieo trồng lúa và rau màu cây công nghiệp được tưới đạt 8,6 triệu ha, Việt Nam đã đứng vào hàng thứ 6 của thế giới sau các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Mỹ, Pakistan, Iran.

2. Đề điều – Phòng chống giảm nhẹ thiên tai

Đã nâng cấp và xây dựng mới 5.700 km đê sông, 3.000 km đê biển, 23.000 km bờ bao, hàng nghìn cống dưới đê, hàng trăm cây số kè.

+ Về đê sông:

Ở miền Bắc, nhờ sự hỗ trợ điều tiết của hồ Hoà Bình, Thác Bà, hệ thống đê sông Hồng và Thái Bình đã đảm bảo chống được lũ Hà Nội ở cao trình 13,40m ứng với tần suất 125 năm/lần. Khi hồ Tuyên Quang đi vào vận hành, tần suất được nâng lên 250 năm và khi hồ Sơn La đi vào vận hành, tần suất được nâng lên 500 năm.

Ở Bắc Trung bộ: Đê sông Mã, sông Cả chống được lũ lịch sử chính vụ không bị tràn.

Ở Đồng bằng sông Cửu Long: Hệ thống bờ bao đã chống được lũ sớm, lũ tiểu mãn để bảo vệ vụ lúa Hè – Thu và các điểm dân cư trong vùng kiểm soát lũ.

+ Đê biển: Hệ thống đê biển ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ có thể ngăn mặn và triều tần suất 10% khi gặp bão cấp 9.

3. Cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản



Cống đập Cần Công (Trà Vinh) trên sông Cổ Chiên

Đi đôi với mở rộng diện tích tưới nước để đảm bảo nước ngọt quanh năm cho nhiều vùng rộng lớn ở cả đồng bằng, trung du, miền núi mà trước kia nguồn ngọt rất khó khăn; tạo điều

kiện phân bổ lại dân cư; tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển thủy sản.

- Đối với nông thôn: Đã cấp nước sạch ở nông thôn được 50% số hộ.

- Nhiều hồ chứa đã cấp nước cho công nghiệp và đô thị, khu đô thị đang được xây dựng như: hồ Sông Ray (Bà Rịa – Vũng Tàu), hồ Mỹ Tân (Ninh Thuận), cụm hồ Thủy Yên - Thủy Cam (Huế), hồ Hoà Sơn (Khánh Hoà), hồ Ngàn Trươi - Cẩm Trang (Hà Tĩnh), hồ Bản Mòng (Sơn La), hồ Nậm Cát (Bắc Cạn), còn rất nhiều hồ kết hợp tưới, cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt.

- Đối với thủy sản: Đã đảm bảo nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản nội địa và tạo điều kiện cho mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản vùng nước ngọt, nước lợ lên 600.000 ha.

4. Tham gia phát triển thủy điện

Từ những năm 1960 khi Ủy ban Trị thủy và Khai thác sông Hồng được thành lập và đi vào hoạt động, trong nghiên cứu quy hoạch tổng hợp để phục vụ cho chống lũ, phát điện, cấp nước, vận tải thủy... , đã xác định 3 bậc thang sông Đà, lập luận kinh tế kỹ thuật hồ Hoà Bình, xác định các bậc thang trên hệ thống Lô – Gâm, cùng với quy hoạch trị thủy khai thác sông Hồng đã mở rộng ra các sông ở miền Trung và sau này mở ra trên phạm vi cả nước. Những đề xuất về thủy điện trên các hệ thống sông đã là cơ sở giúp cho ngành điện tham khảo để quy hoạch và xây dựng các công trình thủy điện sau này.

Cùng lực lượng quy hoạch, các lực lượng khảo sát, thiết kế, thi công, xử lý nền móng của thủy lợi trong các thập kỷ qua cũng đã có những đóng góp đáng kể vào việc phát triển thủy điện, và chính qua tham gia phát triển thủy điện nhiều đơn vị như Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp & Thủy lợi, Tổng Công ty Xây dựng 4, Công ty Xây dựng 47, các Công ty xử lý nền thủy lợi, Trung tâm Thủy điện - Viện Khoa học Thủy lợi (nay là Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo) đã có những bước phát triển đáng kể.

5. Đóng góp vào việc bảo vệ, cải tạo môi trường, tạo tiền đề xây dựng cuộc sống văn minh hiện đại.

- Các hồ đập được xây dựng ở mọi miền đã làm tăng độ ẩm, điều hoà dòng chảy, tạo điều kiện để ổn định cuộc sống định canh định cư để giảm đốt phát rừng. Các trục kênh tiêu thoát nước của các hệ thống thủy nông đã tạo nguồn nước ngọt, tiêu thoát nước thải cho nhiều đô thị, thành phố.

- Song hành với hệ thống tưới, tiêu, đê điều và đường thi công thủy lợi đã góp phần hình thành mạng giao thông thủy, bộ rộng khắp. Ở nông thôn đã cải tạo trên diện rộng các vùng đất, nước chua phèn, mặn ở đồng bằng sông Cửu Long, nhiều vùng đất "chiêm khe mùa thối" mà trước đây người dân phải sống trong cảnh "6 tháng đi chân, 6 tháng đi tay", thành những vùng 2 vụ lúa ổn định có năng suất cao, phát triển được mạng đường bộ, bảo vệ được cây lưu niên, có điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

6. Đóng góp quan trọng vào xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là tạo điều kiện để bố trí lại dân cư tập trung thuận tiện cho sản xuất, giao thông và tránh lũ như ở ĐB Sông Cửu Long.

7. Đóng góp vào việc quản lý tài nguyên nước

Đã thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên nước như xây dựng Luật Tài Nguyên Nước, một số văn bản dưới Luật, thành lập các Ban Quản lý lưu vực sông trọng điểm, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch khai thác sử dụng tổng hợp tài nguyên nước và phòng chống tác hại do nước gây ra.

Cùng với ngành điện xây dựng nhiều hồ chứa, các hệ thống chuyển nước lưu vực. Đã thực sự đóng góp to lớn vào việc điều hoà nguồn nước giữa mùa thừa nước và mùa thiếu nước, giữa năm thừa nước và năm thiếu nước, giữa vùng thừa nước và vùng khan hiếm nước, biến nguồn nước ở dạng tiềm năng đổ ra biển thành nguồn nước có ích cho quốc kế dân sinh.

8. Phát triển khoa học kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực



Cống đập Thảo Long (Thừa Thiên – Huế) dài hơn 500m trên hạ du sông Hương

Trong 63 năm qua đã đánh dấu sự vươn lên mạnh mẽ của công tác khoa học kỹ thuật trong việc giải quyết các yêu cầu phức tạp của ngành từ quy hoạch, thiết kế, thi công xây dựng và quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước, các công trình thuỷ lợi và phòng chống thiên tai; đã đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo có trình độ chuyên môn sâu.

Từ một ngành kỹ thuật còn rất non trẻ đến nay chúng ta đã đào tạo bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ, chuyên gia, công nhân kỹ thuật có đủ trình độ làm chủ được các vấn đề khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong khảo sát, thiết kế, thi công, quản lý nghiên cứu khoa học phức tạp ngang tầm các nước trong khu vực.

Ngành thuỷ lợi cũng là ngành xây dựng đã xây dựng được nhiều tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật chặt chẽ, tiên tiến trong quy hoạch, thiết kế, thi công; đã xây dựng Bộ Sổ tay Tra cứu Thuỷ lợi trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ thuật nhà nước, đặc biệt là quy trình vận hành

liên hồ lần đầu tiên được thực hiện ở nước ta do Thủ tướng Chính phủ giao để phục vụ cho chống lũ, phát điện, cấp nước cho hạ du từ năm 2006 trở lại đây.

Trường Đại học Thủy lợi – Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới, Huân chương Hồ Chí Minh – là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực và khoa học công nghệ lớn của ngành. Cho đến nay Trường đã đào tạo hàng chục ngàn cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ cao cho ngành thủy lợi và ngành nông nghiệp – phát triển nông thôn, đã và đang thực hiện một chương trình đổi mới toàn diện và sâu sắc với mục tiêu trở thành một trong 10 Trường Đại học hàng đầu của Việt Nam và là trung tâm đào tạo hàng đầu khu vực về kỹ thuật tài nguyên nước, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai.

Đó là vốn quý để thực hiện những nhiệm vụ to lớn hơn trong thời gian tới.

Có được những thành quả to lớn trên trước hết là nhờ sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp giúp đỡ của các Bộ ngành liên quan và toàn dân, trong đó có các thế hệ cán bộ công nhân viên qua các thời kỳ.

Xin phép được thay mặt ngành Thủy lợi bày tỏ lòng biết ơn đối với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; cảm ơn sự phối hợp giúp đỡ của các Bộ, Ngành liên quan, các địa phương, các cơ quan truyền thông, báo chí đã hết lòng giúp đỡ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Thủy lợi.

Xin được gửi tới các thế hệ các cụ, các bác Hưu trí Thủy lợi, những người đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp thủy lợi trong những thời kỳ khó khăn của đất nước vừa qua. Chúc các cụ, các bác, các đồng chí luôn mạnh khỏe và tiếp tục có những đóng góp xây dựng ngành và bồi dưỡng, truyền đạt cho những thế hệ sau những kiến thức, kinh nghiệm quý báu để hoàn thành các nhiệm vụ của Ngành trong thời gian tới. Chúc toàn thể cán bộ công nhân viên chức đang hoạt động trong các lĩnh vực thủy lợi trên cả nước phấn đấu không ngừng, vươn lên giành những thành tựu mới.

II. NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020

A. Những khó khăn, thách thức

Chúng ta thực hiện nhiệm vụ Thủy lợi trong tình hình đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá và trên cơ sở nền tảng của ngành Thủy lợi đã phát triển, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta còn có nhiều khó khăn, thách thức lớn sau:

1. Nhu cầu sử dụng nước của các ngành kinh tế, xã hội đang tăng nhanh, nhất là nước cho công nghiệp, sinh hoạt, nước cho nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi trong khi tài nguyên nước ở Việt Nam có hạn và đang bị suy thoái nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng.

2. Biến đổi khí hậu toàn cầu và khu vực đã và sẽ làm trầm trọng thêm các khó khăn và mức độ ác liệt của các thiên tai. Biến đổi khí hậu làm nhiệt độ tăng cao và nước biển dâng dẫn đến:

- Suy giảm tài nguyên nước, dòng chảy năm giảm, dòng chảy kiệt suy giảm lớn hơn (giảm từ -2% đến -24%), bốc thoát hơi nước tăng cao khiến nhu cầu sử dụng nước cũng tăng theo.

- Tổng lượng mưa năm tuy ít biến đổi nhưng cường độ mưa ngày có xu hướng tăng cao, tăng từ 12-19% khiến cho các đỉnh lũ xuất hiện cao hơn với tần suất lớn hơn, gây nhiều tổn thất cho nền kinh tế, đời sống nhân dân, đe dọa đến an toàn của nhiều công trình, nhiều hệ thống đê điều.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), mực nước biển ở Việt Nam sẽ dâng lên 1m vào năm 2010 dẫn đến mất 50% diện tích canh tác lúa 2 vụ, 17-22 triệu người sẽ phải di dời nơi ở nếu chúng ta không có những giải pháp công trình, nhiều diện tích canh tác ở Đồng bằng Sông Hồng sẽ không thể tiêu tự chảy.

3. Các hệ thống thủy nông được xây dựng từ lâu đời đã và đang bị xuống cấp nghiêm trọng, một số ít do địa phương khó khăn về kinh phí nên chưa hoàn chỉnh được các hệ thống kênh cấp 2, 3 để đưa nước đến mặt ruộng. Việc mở rộng đô thị hoá, công nghiệp hoá và nước biển dâng khiến cho việc tiêu nước không đảm bảo yêu cầu nên cần phải rà soát và bổ sung quy mô của các hệ thống tiêu cho phù hợp.

4. Hiện nay còn hơn 1,3 triệu ha đất lúa ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, Tây Nguyên, miền núi và một số vùng úng ở Đồng bằng Bắc bộ chưa có công trình tưới tiêu chủ động.

5. Tiêu chuẩn thiết kế đê biển còn thấp và chưa có được các giải pháp phòng tránh ở mức cao đối với lũ lụt ở miền Trung, lũ quét ở miền núi.

B. Mục tiêu thủy lợi trong thời gian tới

1. Đảm bảo nhân dân ở Đồng bằng Sông Cửu Long, miền Trung, miền núi sống ổn định, an toàn trong điều kiện nước biển dâng.

2. Bảo vệ để đảm bảo có 3,8 triệu ha canh tác lúa 2 vụ ổn định.

Nâng cao năng lực quản lý khai thác nguồn nước, chống ô nhiễm cạn kiệt nguồn nước, đảm bảo việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước cho các ngành kinh tế, cho sinh hoạt, phát triển nông nghiệp; chủ động tiêu nước cho các khu đô thị, dân cư và các vùng nông nghiệp.

3. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng chống và giảm nhẹ thiên tai nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững của đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

C. Các giải pháp chính để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ

1. Tạo sự chuyển biến trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi trong tình hình mới.

- Trên cơ sở hướng dẫn mới về tổ chức quản lý thủy lợi sau khi có Nghị định 154 về miễn giảm thủy lợi phí, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính năng động tự chủ cho toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên quản lý thủy nông, phát huy mọi tiềm lực cơ sở vật chất để vươn lên khai

thác tổng hợp các nguồn tài nguyên đất, nước trong các hệ thống thủy nông, tạo bước ngoặt lớn trong công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi.

- Đánh giá lại năng lực tưới tiêu của từng công trình, từng hệ thống lớn nhỏ một cách chính xác để điều tiết nước và mở rộng khai thác triệt để năng lực các công trình đã có, đồng thời bổ sung quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu mới và chuyển đổi sản xuất.

- Tăng cường giải quyết việc tiêu thoát nước cho các đô thị bị ảnh hưởng thủy triều trong điều kiện nước biển dâng, trước mắt là thành phố Hồ Chí Minh.

- Xúc tiến việc xây dựng Luật Thủy lợi và hoàn thành xây dựng Chiến lược Thủy lợi.

2. Làm tốt công tác quản lý đê điều – phòng chống lụt bão, giữ vững an toàn hồ đập lớn trong mọi tình huống.

- Trong điều kiện ngân sách có hạn, cần tập trung củng cố các đê kè trọng điểm, huy động sự đóng góp của địa phương, nhân dân để thường xuyên bổ sung và củng cố các tuyến đê nhỏ, bờ bao. Có biện pháp phối hợp với địa phương hỗ trợ chuyển dân ra khỏi những vùng bị sạt lở, lũ quét ở ven sông miền núi.

- Lập quy trình điều hành liên hồ ở các lưu vực sông để chống lũ và chống hạn cho hạ du, đặc biệt quan tâm đến an toàn công trình đập, hồ chứa.

- Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Luật Đê điều, nâng cao nhận thức của cộng đồng, đẩy mạnh công tác quản lý giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng và xây dựng quỹ phòng chống lụt bão để chủ động ứng phó khi có thiên tai.

3. Trong xây dựng cơ bản tiếp tục nâng cao chất lượng công trình và tiến độ thi công các công trình trọng điểm. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức quản lý XD CB để quản lý tốt quá trình chuẩn bị đầu tư lập luận chứng thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công đến khai thác vận hành.

4. Coi trọng công tác quản lý kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo bồi dưỡng.

- Trong quản lý kỹ thuật cần chú trọng rà soát và bổ sung sửa đổi các quy trình quy phạm trong khảo sát, thiết kế, thi công cho phù hợp với thời kỳ hội nhập trong điều kiện biến đổi khí hậu. Chú trọng đến công tác tổng kết kỹ thuật và phổ biến các kinh nghiệm.

- Trong nghiên cứu cần xác định các mũi nhọn cần tập trung, nâng cao chất lượng của các đề tài khoa học và mở rộng việc phổ biến ứng dụng những đề tài có giá trị về thực tiễn và sản xuất. Đặc biệt cần quan tâm nghiên cứu và giải quyết những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

5. Tăng cường quản lý ngành và đổi mới cơ chế chính sách, nhất là các cơ chế chính sách trong lĩnh vực thủy nông, xây dựng cơ bản, đê điều, phòng chống lụt bão.

*

* *

Những thành quả trong xây dựng và phát triển Thủy lợi 63 năm qua là thắng lợi của đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước; có sự đóng góp của các ngành, các cấp ủy chính quyền các địa phương, của đông bào chiến sỹ cả nước, trong đó có toàn thể cán bộ nhân viên ngành Thủy lợi.

Kỷ niệm 63 năm ngày thành lập, chúng ta nguyện phát huy những thành quả đạt được, khắc phục những tồn tại yếu kém để vươn lên làm tốt hơn việc thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới.

www.vncold.vn